

QUẢNG HOÀNG MINH TẬP

QUYỂN 22

THIÊN THỨ TƯ: PHÁP NGHĨA (Phần 5)

Chúng sinh và Phật không có nghĩa khác nhau. Nghĩa sáu đường nối nhau thành Phật. Nghĩa nhân duyên. Nghĩa hình thần. Nghĩa thần chẳng diệt. Nghĩa khó phạm chấn thần diệt, luận nhân duyên vô tánh. Trần Sa-môn chân quán. Nguyễn văn ba bộ tất cả kinh của Bắc Tề. Nguyễn văn Chu Tạng Kinh. Nguyễn văn Bảo Đài Kinh Tạng. Tựa Tam tạng Thánh Giáo. Thuật Tựa Tam tạng Thánh Giáo. Thuật Tựa Chú Kinh Bát-nhã. Tựa Chú Tập Kinh Kim Cang Bát-nhã, gởi thơ cho chư Tăng phiên dịch kinh. Thái Thường Bác sĩ Liễu Tuyên.

NGHĨA PHẬT BIẾT KHÔNG KHÁC CHÚNG SINH BIẾT.

THẨM HỮU VĂN

Phật là giác, giác là biết, phàm phu và Phật địa, lập thiện biết ác ban đầu khác nhau. Nhưng chỗ biết của Phật địa được thiện đường chánh, chỗ biết của phàm phu mất thiện đường tà. Phàm phu biết được đường chánh và cái biết của Phật chẳng khác, gọi là do chỗ thiện chẳng phải thiện, vì thế mất đường chánh, cho nên biết cái biết của phàm phu và cái biết của Phật chẳng khác, do chỗ biết sự khác chứ biết không khác. Cái biết của phàm phu không gọi là chỗ biết chẳng lành, ở chỗ cầu thiện mà đến chỗ bất thiện, nếu nhóm tâm cầu thiện, hội này được quy về đường lành, hoặc được đường thì đến chỗ Phật, đây là Phật tánh của chúng sinh, là ở tánh biết kia thường trao truyền.

NGHĨA SÁU ĐƯỜNG NỐI NHAU THÀNH PHẬT. THẨM ƯỚC

Nhất thiết chủng trí cùng chúng sinh trong năm đường sáu nẻo có phần nhận biết chung chứ không phân ra khác nhau.

Hỏi: Nhận biết chẳng phải biết ư?

Đáp: Chẳng phải.

Hỏi: Ở đây dùng gì làm thể?

Đáp: Là nối nhau không dứt. Nối nhau không diệt cho nên có thể nhận biết, nếu nay sinh công đào luyện lần nhóm thì quả vị lai lý chỗ biết càng tinh thông, biết càng tinh thông thì đời sau nên đến thành Phật mà không đoạn không dứt. Nếu nay sinh vô minh thì quả vị lai sự hiểu biết càng tăm tối, biết càng tăm tối cũng là đời sau sẽ đến sáu đường. Nhận biết đủ theo duyên nhận biết, biết tốt xấu không quan hệ đến sự nhận biết này.

Hỏi: Biết chẳng phải biết đã nghe mạng, nhận biết nhận biết tự là nối nhau không dứt, biết tự nhiên trong nhân duyên đến cùng đồ nhận biết ở đây theo lý mà quan hệ nhau ư?

Đáp: Có nối nhau không diệt, ở đây tự nhiên trong nhân quả đến, có nhân có quả đâu được không thiện không ác ư?

NGHĨA NHÂN DUYÊN. THẨM ƯỚC

Tánh của hàm linh đâu không ưa sinh? Đường cầu sinh so le chẳng phải một, một niệm đời đối đường nẻo đều khác, trong một niệm các duyên xen khởi, trong một nhân một quả có khác nhau. Tánh ưa sinh muôn phẩm ở đây đồng, tự nhiên bẩm thọ chẳng phải do duyên lập, vốn biết ưa sinh chẳng do nhân duyên, nhân duyên chẳng ưa. Sinh tuy lại đủ nhà hình hài mà đều là một vật, một niệm đã gọi các duyên, các duyên đều theo niệm khởi, hai niệm thiện ác thật có sự khác nhau, đều giúp sự ngoài do một lẽ, thí như chẳng có nước chẳng có đất thì mầm lúa đậu không mọc. Tánh nhân duyên biết kia vốn đã khác, nhân quả không lầm chắc chắn như vậy, thiện ác khởi riêng cũng có trở ngại. Dầu nói là khởi riêng, khởi liền thành nhân trong nhân ngoài duyên đều là do đây.

NÓI VỀ HÌNH THẦN. THẨM ƯỚC

Phàm thời một niệm của người phàm bảy thức không lại liên quan đất chỗ niệm, một niệm người phàm. Bậc Thánh thì không niệm nào không hết, bậc Thánh đã vậy, bảy thức vốn tự như hư không, do bảy thức như hư không nên đều cùng tận muôn niệm, cho nên có thể khác với phàm phu. Khi một niệm phàm phu quên bảy thức kia thì mất bỏ chỗ thấy chân bỏ chỗ đạp lên, ngay cái quên mất quên chân kia cùng phàm không mất không chân nào có khác gì?

Người phàm tạm không vốn thật có, không chưa liếc mắt có đã theo, niệm trái với hình thì tạm quên, niệm từ tạ tâm thì lại hợp, niệm

đối với bảy thước một chỗ thì khác chỗ, đồng với người khác thì chẳng phải ngã không khác. Nhưng người phàm tạm không kia, không kia không rất ngắn, bậc Thánh thì không kia dài, không kia rất xa. Phàm khác đường với Thánh, một niệm mà tạm quên thì là phẩm phàm, muôn niệm đều quên thì là Đại thánh. Do đây mà nói thì hình thần bao nhiêu? Hoặc người nghi nhân quả tướng chủ mảy may chia phân không khác nhau, tốt xấu đời sau đều có định nghiệp, mà sáu độ đã tu đều là đầu mối giúp sức. Nếu tu sức này lại có nhân trước, nhân chín mùi quả thành thực tự nhiên chiêu cảm nhau, thì công của sức gây ra không còn được lập. Sáu độ đã tu bao nhiêu đều bỏ. Thích-ca từ chín kiếp lâu xa đồng mãnh mà thành, vì định đồng mãnh từ vô thủy vốn không chỉ là chín đầu được gọi là kiếp. Tôi cho là nhân quả tình chiếu vốn là hai vật, trước có tình chiếu, kiếp có nhân quả. Tình chiếu đã động mà nhân quả theo đó, chưa có tình chiếu thì nhân quả nương vào đâu? Nhân thức hai đường dùng hợp vốn khác, gốc kia đã khác, thể chắc chắn khác nhau, tình chiếu sai khởi ở lý chẳng ngại, sáu độ chín kiếp sai khác không đáng nghi.

LUẬN THẦN BẤT DIỆT, THẨM ƯỚC

Loài hàm sinh thức soi chiếu lẫn nhau, đẳng cấp so le ngàn lụy muôn chồng, côn trùng thì không thuộc loài chim bay, loài chim bay thì không thuộc chó ngựa, chổi lợi rựa rờ không được nói là không đúng. Loài người do trên tánh hiền ngu khác nhau, không hòa hợp nhau không hiểu rõ nhau, yến bác Việt Nam chưa đủ nói là khéo. Người ngu kia thì không phân biệt được đậu và lúa mạch, người ngược ngạo thì không biết yêu mến. Từ đây trở lên tánh thức càng rộng, ban vốn chín phẩm chưa hiểu đại khái trong muôn một, sao là người hiền và người ngu? Bởi biết và không biết, người ngu biết ít, người hiền biết nhiều, mà muôn vật giao nhau, các phương rộng lớn, tánh tình sáng tối, lý thú sâu mầu, do kia đường câu lý kia, đã có thông minh tối tăm khác nhau bèn thành cao thấp không đồng. Từ đây đối nhau phẩm cấp càng cao, cùng nguồn gốc kia, tận tôn cực kia, xen nhau suy ngưỡng nên có chỗ tốt cùng. Đường kia đã cùng không vi diệu nào chẳng cùng tận, lại không được cho là không như vậy. Vả lại năm tình đều có khu vực riêng tai mắt riêng có ty tồn, tâm vận động thì hình quên mất dùng thì bỏ tai, đầu thì tình linh cạn yếu, tâm lự tạp nhiễu. Một niệm mà gồm không nhờ đâu mà đến được, đã không thể gồm lộn xộn thay nhau. Một niệm chưa thành, đầu mối khác xen khởi, xen khởi các đầu mối lại đồng như trước. Do không

gồm nhau, do nơi cạn lằm, lằm cạn là bịnh, bịnh nơi chấp có. Không cạn không lằm xuất hiện gồm quên, do gồm quên nên được gồm chiếu này, từ phàm phu đến Chánh giác ban đầu lằm nơi không lằm, không gồm đến hay gồm, lại chẳng được cho là không.

Lại còn trùng yếu mạng, hàm linh chẳng hai, hoặc sáng sinh tối chết, hoặc không biết xuân thu, từ đây mà tiến tu ngăn chẳng phải một. Đã có ngăn kia đâu được không dài, luống dùng tổn năm, khéo nhiếp thêm thọ. Thiện mà lại thiện đâu được không có? Lại không được cho đó là không. Sinh đã có thể yếu thì thọ không thể không yếu, yếu đã không thì sinh không thể tốt, khác nhau giữa hình thần đã vậy. Nhưng hình đã có thể nuôi, thần đâu riêng khác. Thần diệu hình thô, rõ ràng phân biệt được, dưỡng hình có thể đến không hư hoại, dưỡng thần đâu được có cùng. Dưỡng thần không cùng, vô sinh vô diệt, đầu ngọn bất chước nhau há không là người kia? Từ phàm đến thánh, hàm linh nghĩa đồng, nhưng sự có tinh thô, cho nên người có thánh phàm. Thánh đã còn mãi, ở phàm riêng diệt, gốc đồng ngọn khác, nghĩa không gồm thông. Đại Thánh ban lời dạy há lằm ở đây sao?

BẮT BÊ LUẬN THẦN DIỆT CỦA PHẠM CHẤN, THẨM ƯỚC

Xưa luận rằng: “Hình tức là thần, thần tức là hình”. Lại nói rằng: “Người thể là một, cho nên thần không được hai”. Nếu suy luận này thì hai vật không được lia nhau, bảy lỗ trăm thể không chỗ nào chẳng là thần. Bảy lỗ dụng đã khác, trăm thể chỗ lo chẳng phải một. Thần cũng theo sự mà ứng thì tên kia lẽ ra cũng theo sự mà thay đổi. Chân là tên đối hình, mà trong hình có dụng riêng kia, lẽ ra thần trong thần cũng nên đều có tên kia, nay nêu hình thì có bốn chi trăm thể khác nhau, co duỗi nghe nhận riêng, đều có tên kia, đều có dụng kia. Nói thần chỉ có một tên mà dụng chia trăm thể, đây là chỗ sâu xa chưa rõ. Nếu hình đối với thần, miếng không thể sai sao lại tên hình thì nhiều mà tên thần lại ít?

Như luận của Như Lai, thần bảy thước, thần thì không chỗ nào chẳng là hình, hình thì không chỗ nào chẳng là thần. Dao thì chỉ có dao gọi là bén, chẳng phải dao thì không được tên bén, cho nên dao là nêu gọi thể, bén là tên một chỗ, dáo và bén khác nhau. Hình và thần đâu thể vọng hợp.

Lại ngày xưa là dao, nay đúc thành kiếm, kiếm bén thì tức là dao bén. Mà hình dao chẳng phải hình kiếm, dụng bén đã thay đổi mà hình chất đã dời, sinh trước là giáp sinh sau là bính. Đường người trời đều

khác, thần thức xưa vẫn truyền, cùng với kiếm làm dao, dao làm kiếm nào có khác gì?

Lại chất của một dao chia làm hình hai dao, hình đã chia mà có bên kia riêng. Nay lấy thân một con trâu mà chia làm hai thì ăn uống lúc sống liền hết. Dụng của nhậm trọng không phân chia, lại đâu được dùng dao và sự bén để thí dụ cho hình và thần ư? Đến luận cho rằng dao và bén tức hình có thần, dao thì nêu thể là một bén, hình thì nêu thể là một thần, thần dùng nơi thể thì có tai, mắt, tay chân riêng khác, dụng của tay không phải là dụng của chân, dụng của tai không là dụng của mắt, mà bén là dụng chẳng chỗ nào không thể, cũng có thể cắt rấn, cũng có thể chặt chim hồng chim ưng, chẳng phải một chỗ riêng, có thể cắt dưa Đông Lăng, một chỗ riêng có thể chặt trúc Nam Sơn.

Nếu cho bén là dụng có thể chia được, thì chân có thể chấp vật, mắt có thể nghe tiếng. Nếu cho là lưng dao cũng có bén, hai bên cũng có bén, nhưng chưa rền mà bén nhọn. Nếu bén cùng khắp bốn phương thì thể bén không còn chỗ lập, hình vuông hình thẳng đều không được khắp bén, bén đó là dụng chính ở một bên chỗ mảy lông. Thần và hình nêu thể hợp, lại đâu được đồng ư? Nếu dao nêu thể là bén, thần dụng theo thể thì ,hna. Nếu khiến dao và bén lý kia nếu là một thì dưới thần cũng có thể đặt mắt, trên lưng cũng có thể sắp mũi, có thể chẳng? Không thể được.

Nếu cho thí dụ này là tột thì là không tột. Nếu cho là vốn không tột ư? Thì không thể dùng làm thí dụ. Nếu hình tức là thần, thần tức là hình, hai tướng giúp lý không riêng khác, thì ngày thần mất, hình cũng tiêu. Mà nay có biết thần mất mà không biết hình còn. Đây là vì thần vốn chẳng phải hình, hình vốn chẳng phải thần, lại không thể được gượng khiến là một.

Nếu cho là gồm chất của trăm thể gọi là hình, gồm dụng của trăm thể gọi là thần. Nay trăm thể có riêng phần kia thì mất là hình mất, tai là hình tai, hình mắt chẳng phải hình tai, hình tai chẳng phải hình mắt, thì thần cũng tùy trăm thể mà chia, thì mất có thần mất, tai có thần tai, thần tai chẳng phải thần mắt, thần mắt chẳng phải thần tai, mà thể thiên khô nửa kia đã diệt nửa đã mất sự đồng với cây đá. Thí như cây cứng kia nhiều năm không hư thì cũng nên cùng nửa này đồng diệt. Nửa thần đã diệt, nửa thể vẫn còn, hình thần đều mất càng gồm cảnh giác. Nếu thấy hai viên mà trải qua ức năm không hư hủy, thể riêng khai còn dư chất ở La Phù. Nếu thần hình hợp thì hai người này không nên thần diệt mà hình còn.

Đến luận lại nói rằng: Chợt sinh mà chợt diệt, lần sinh mà lần diệt, thỉnh thoảng của tá tử dùng thành của công tự, lần mà diệt gọi là hình hài người chết, ban đầu là không biết mà đến hư mục. Nếu vậy thì hình và thần là một vật, hình đã bịnh lẽ ra thần cũng bịnh. Hình đã mất thần cũng nói là mất. Lần đó làm dụng nên chung với hình, do ban đầu mất chưa hư là tiệm thần, riêng không được do ban đầu là tiệm ư?

Đến luận lại nói rằng: Sống là hình hài, biến là cốt người chết. Xét Như Lai luận, thần minh sống hình hài sống, đã hóa thành cốt cách, rõ thần minh sống riêng không theo hình hài sống, đã hóa làm cốt cách, rõ thần minh sống riêng không theo hình mà hóa ư? Nếu theo hình mà hóa thì nên đồng thể với hình. Nếu hình hài tức là hài cốt thì thần minh chết không được khác thần minh sống. Từ trước cái gọi là chết, định tự chưa chết. Nếu hình hài chẳng phải hài cốt thì thần sống hóa thành thần chết. Thần sống hóa thành thần chết tức là ba đời, đâu gọi kia là không diệt? Nếu thần theo hình thì hình không biết, hình đã không biết thì thần vốn không chết, không biết thì là thần chết, thần chết mà hình còn, lại không thông bịnh.

Nếu hình tuy không biết, thần còn có biết, hình thần đã không được khác thì hình chết từ trước lại chẳng phải là cây khô.

TỰA LUẬN NHÂN DUYÊN VÔ TÁNH, CỦA SA-MÔN THÍCH CHÂN QUÁN ĐỜI TRẦN

Linh đức tuyền đình có châu ba nghị, chẳng phải chỉ có ngoại học thông minh, cũng là nội tín rõ sâu thường tự tâm trọng Đại thừa miệng tụng Bát-nhã, bỗng soạn luận tự nhiên, liền khởi chấp hữu tánh, hoặc thị hiện đồng tà kiến, hoặc là thật khởi tâm điên đảo, giao lại có tổn chánh chân, lỗi thương hại chí đạo. Tạm cất hậu luận để trừ bỏ chấp kia, dấu lại lời không đủ nhật mà lý đều đáng xem, nếu cùng tôi đồng chí thì mong cùng xem xét.

LUẬN VỀ TÁNH PHÁP TỰ NHIÊN, CHÂU THẾ KHANH

Ngụ Tư tiên sinh ngạc nhiên than rằng: Muôn pháp muôn tánh đều là lý tự nhiên. Chỉ có tự nhiên nên không được đời đổi, cho nên người lành tuy biết lành, không đáng nường. Người lành không thể phút chốc mà làm ác, người ác lại cho ác không đáng răn dè, người ác cũng không thể phút chốc mà làm lành. Lại thể của người nhân từ không tự biết mình là thiện, thể kẻ ngu không tự biết mình là ác, đều tự nhiên mà như vậy. Khách ngồi đá là Đại phu học giả, bỗng nhiên khởi sắc mặt mà

nói: “Bền chắc thay thuyết của tiên sinh! Trái đại đạo mà lầm lời bậc Thánh”. Tiên sinh nói: “Đại đạo ai là chủ? Bậc Thánh nói gì?” Đại phu nói: “Đại đạo không có chủ mà chẳng ở đâu không có chủ, bậc Thánh không nói mà không đâu chẳng nói”.

Tiên sinh nói: Xin nói lời đã nói. Nói tánh mạng lý do gây ra ư? Xin nói chủ kia là chủ báo ứng thiện ác ư?

Đại phu nói: Thế nào là không đúng. Bởi công trời đất đại đạo để chở nuôi. Bậc Thánh hợp đức đất trời để lập giáo. Tựa nhân nghĩa năm đức để nghiệm tâm kia, nói thi thể sáu nghề để dạy nghiệp kia, đây là lời bậc Thánh: “Nếu người làm lành quyết có niềm vui, người làm bất thiện thì chắc chắn có tai ương”. Cho nên nói rằng bậc Thánh không thân thường cùng người lành, sáu cực tựa mà giáng hạnh trừng phạt, năm phước bày mà tâm lành gắng gổ. Ba đời là sắp dùng quyền che bại, bảy là tu thiện có tánh hưng thịnh, bày thưởng sủng mà không hầu, vui mừng xướng số mà chiêu với quốc, đây là hiệu của nhà đạo, sao tiên sinh nói đều là lý tự nhiên mà không thể đời đời ư?

Tiên sinh cười mà nói: Đời cho là người gỡ dây, dây hết mà không thay đổi như bọn Đại phu. Kính khóa ống nhỏ hẹp là ông và tôi bày ra, bởi hai nghi chấp mà sáu chữ thí bày trăm họ nuôi mà năm tài dùng. Dùng câu này cách muôn pháp mà cùng tận. Người là chúng sinh lành lợi nhất, ứng khí ủy tự nhiên, bẩm thọ chất đẹp, xấu, đầy, lưng, tình buồn, lo mừng, vui giận. Năm cùng tội mạng dài ngắn, phong tánh ngu, trí, thiện, ác. Phàm buồn vui mừng giận phục ở tình, cảm vật mà động. Cùng tội dài ngắn giấu nơi mạng sự đến mà sau rõ. Xấu, đẹp, đầy, lưng chấp vào hình, có sinh mà nêu thấy. Ngu, trí, thiện, ác, phong kín ở tánh, chạm dụng mà hiển dấu vết. Tám câu này gồm hết việc người, đều do số tự nhiên, không có công tạo tác. Nếu có người tạo tác thì quyết nhọc mệt, có người ra vào thì quyết sót lọt, có người thù tạc thì quyết lầm. Ba người này chẳng có công tạo vật, cho nên Mặc Tử nói rằng: Dù cho tạo hóa ba năm thành một chiếc lá, lá của thiên hạ ít ư?”. Bởi bậc Thánh lập bày sự khéo léo để thành giáo, nương sự để khuyên oai, thấy bạo của mạnh mẽ ít khiếp sợ, sợ phát cấm của hình chém giết, bèn bày oai họa dâm, thương tổn đôn hậu thiện lành thì không khuyên, biết tánh mạng không thể thay đổi, nêu phước lành để khen đó, cho nên nghe lời nói ấy dường như chớ sai, gạn việc kia muôn điều không sai một.

Ông dùng gốc nhánh trông nhiều, đây là đầu mối che đạo, thưởng phạt chẳng chủ, do hạnh chiêu cảm, thân ở vui trễ là báo sánh của người lành, thể sự tội khổ là hiển chết của người ác. Tôn Thúc lúc nhỏ không

chôn rấn, lớn không sang Lịnh Doãn. Tốt, xấu trước không dâm đức, trọn thiếu tôn Thừa tướng. Nếu vậy thì thiên đạo do trọng mạng hoa văn. Đáp: Tội ngu của Huyền Tẩu để thương đều đơn chu, đáp chí thánh của Nghiêu Thuấn. Đại Bá ba đời không lỗi đạo binh mà rảnh tể Trọng Ngu, Hán Tổ bảy lá không nghe hạnh dốc thiện, bèn tạo nghiệp phối thiên, lồng xứng đình dùng năm phước, thân ôm đau đớn Di diệt.

Khổng Tử nói rằng: Vui mừng nhóm thiện, thân thờ lòng bi lữ nhân, sắc mặt trên bảy mươi, có không ý chỉ tài giỏi, lại ở đầu bốn khoa gây ra lời than người này, mà quan thương gia lụy Vương Kinh Nam, mạo độn đời ở nền Bắc. Đầu non không hiểu mặt quý, chìm nước có ôm hôn oán. Khanh thành dùng họ sửa là khanh, không giúp họa tiểu thánh, Vương Bao thương biến cây núi Lũng, chột nhận tai chẳng quên. Hai đời bảo vệ che chở, đau đớn của (ghe) chu ai chịu tội? Ba nhân ở mảy lông, cắt tâm tàn khốc ấy tội gì? Nếu suy lường nước gần, tính kỹ đời xa, chẳng phải mồ mả sách vở được, ở ngay trước mắt tai, đến có bụng chứa hiểm mạnh môn, tâm chất độc soi chiếu rấn độc, chỉ suy nghĩ tâm niệm hại người khác, hạnh thì quyết định lợi mình là trước tiên, dao chùy mài che bén nhọn, hang khe lạ là khó đầy. Trong thì trăm lượng, ngoài tươi tốt ngàn chung nội thật, theo thừa tốt đẹp, ngồi bày ngọt béo, vàng kê ngọc vẫn giàu sang trọn đời, tự có ngọc trắng mà khoe, châu sáng mà thành tánh, tâm không thể làm việc giết của Khải Trập, tay không nở chẻ điều vương dài, ôm tài hay mà không nhật chứa chí tốt mà ai nhìn, lẫn lộn trong phiến toái, thấy đáy nơi cuối cổng làng, ôm đói lạnh mà chết, chôn chung với nai hươu, dùng trải qua chiều tối, mẹ góa con cô không chỗ nương tựa, danh tự không nghe, khói chìm sấm diệt, đáng hận như thế há là một người ư?

Là biết hung tàn của Kiệt, trộm, không sợ họa đời sau sắp đến, dốc hạnh thương xót chớ nghĩ vui đời sau sẽ tới, cho nên Hạc Quan Tử nói: Mạng người là tự nhiên, kẻ hiền chưa chắc được, kẻ chẳng ra gì cũng chưa hẳn mất là nghĩa này.

Đại phu nói: Nếu dẫn lời của trăm nhà thì Liệt tử là tên, quyết liêm khiết, liêm khiết thì nghèo, là tên quyết nhường, nhường là hèn. Nếu vậy thì lập tên người nghèo hèn chỗ tính toán mà đến, thì giàu sang kẻ nghèo tranh đến cầu mà được, sao gọi là số tự nhiên?

Tiên sinh nói rằng: Đây là nói một góc chẳng phải khắp cả lý. Phàm giàu sang tự có nghèo tranh, giàu sang nghèo chẳng thể tranh mà được, nghèo hèn tự có liêm khiết khiêm nhường, nghèo hèn chẳng phải liêm khiết khiêm nhường muốn mời. Tự có giàu sang mà nghèo

chẳng thể cầu được nghèo hèn mà không liêm khiết khiêm nhường. Và lại ông ít nói mạng, đạo nhờ người mở mang cho nên lý tánh mạng bậc tiên Thánh thiên nói. Thiện ác, báo ứng, thiên đạo có thường mà quan hệ gì? Thí như gió mát thì nở hoa, lạnh thì tuyết rơi, có ủy lại phân rơi, có lụy trên thêm ngọc, gió dữ vô tâm nơi dày mỏng mà hoa, tuyết, có tịnh uest khác nhau. Đạo trời vô tâm đối với thương ghét mà tánh mạng có bất lấp hay thông suốt khác đường. Ông nghe Vu Công đãi phong mà phong đến, nghiêm mẩu trông chết mà chết đến. Nếu thấy người lành liền nói kia sau sẽ sống, nếu thấy người ác thì nói kia sau sẽ chết. Đây giống như trọn đời ôm cây mà được thỏ.

Đại phu vì vậy đổi sắc mặt mà cảm tạ rằng: Như kẻ tôi tớ chỗ chấp riêng thuật mà đường mê muội thông, giữ hẹp gần mà mất rộng xa. Nay nhờ âm đức chợt khai mở, thí như số thực phục thi muôn đời xưa mà bỗng ngộ, say chìm núi Trung chưa ngàn năm mà bèn tỉnh, xin thờ lời này để chép bày ra.

Có kẻ hỏi: Chu Tử nương gá bàn hư bày đáy tắc vuông, luận tình chỉ sự rất có ý thú. Nhưng rõ ràng sách trước có chỗ chưa hiểu, phàm tình buồn vui mừng giận của con người bao gồm tánh thiện ác, giúp phương đối đãi không đủ, vì vậy sự tranh đoạt từ đây phát khởi. Tài thức đồng không thể chế ngự nhau trời sinh nhân thánh là khiến gồm thâu. Nhạc do bậc Thánh làm, lễ là Tiên vương chế, nghi ba ngàn để xét dấu vết kia, hòa năm âm để dẫn dắt tâm kia, lập tước để khuyến thiện, treo hình phạt để trị ác, mảy may không lọt, thù tạc như tiếng vang.

Ngọc Bạch nói rằng: Ôi! Điều là chỗ tiến cử, trống chuông đây hợp đâu phải tự nhiên mà đều. Ngàn khoa đầy mắt đâu chẳng phải lực dụng gây ra, trăm mối so le đều do trí ngu gây nên. Chúng ta là quan của Thang, Vũ, là học trò của Chu, Khổng, ra vào cửa ngõ, phục ứng danh giáo mà nói rằng: “Người lành biết lành không đáng nương. Người ác biết ác không đáng răn dè, lành không thể cảm mừng, họa không thể báo ác, là sao lại bàn trái lý. Và lại bỏ bay máy cựa còn biết đến hướng gì còn người là vật linh thiêng nhất mà đồng một vật tự nhiên, đây há thi cao dày, sao dùng phi loại mà dụ, tình chỗ chưa hiểu xin đợi đáp rõ.

Đáp rằng: Xưa Lư Ngao cỡi hoang Bắc Tào, tự thương dấu chân chưa rộng, sông tông đông nhìn ra biển cả, mới than nước thu không nhiều. Chúng ta tập học thành tánh, chưa dễ gì có thể cùng bàn xa lớn. Nay ông cho co duỗi cúi ngược là tâm lự làm khắc thiêu cắt xẻo tay chân làm, nhạc lễ là bậc Thánh làm, bậc Thánh do trời đất sinh, xin vì chúng ta gần lấy các thân thì có thể xa chung các vật, ông cho mắt thấy,

tai nghe, chân bước, tay cầm, ý bình luận, ai khiến như vậy? Thân bị bệnh nặng, lạnh nóng đều không tự biết. Buồn, vui, mừng, giận, hưng khởi, bỏ phế ở đâu. Đất đâu có biết, tự biết ý thức ở đâu? Người có trí tự biết chỗ ở của trí ư? Nếu biết ở khắp trong thân, thân thương tổn thì biết bị cắt. Nếu trí khởi theo sự, sự mất thì trí diệt, quả là thức không biết thức trí không biết trí, vì vậy suy gần để hiểu xa, chạm loại mà lớn. Cho nên biết lẽ nhạc không tự biết lý do chế ra nó, bậc Thánh không tự biết lý do sinh ra mình, hai tượng cũng không biết lý do nào lập ra mình. Vì thế hình sai suy nghĩ khác ủy nhóm tràn đầy, động tịnh hợp tan tự sinh tự diệt. Động tịnh là không có thức làm chủ, sinh diệt không tự hiểu gốc kia, bởi lý tự nhiên như vậy. Cái gọi là chẳng phải tự nhiên chính là rất tự nhiên, là hữu vi chính là rất vô vi.

Ông nói rằng: Trời sinh bậc Thánh là khiến ty thâu, vì sao đời Đường Ngu nhiều bậc Thánh lại thêm năm thần (quan), Văn Vũ trọng sáng càng dùng mười loạn, hà thiên đạo không thể một cái sau trước kia. Sắp cuối đời ban cho mở trời đất, đại Nghiêu đại Thuấn chẳng muốn sinh con bất tài. Long Phùng, Tỹ Can, đầu thích thân đến chỗ tru diệt. Khổng Tử có hỏi thăm Thê Hoàng Tốt nói rằng: “Cầm roi không sợ”, Nhan Hồi đầu dám chết, trọn khiến cha lành thính xe. Sau ba Thánh ba nhân có thể cho là khéo lấy bỏ. Trời có khả năng làm cho biển Đông khô cạn, không bằng lý oán của phụ nữ hiếu, đất có thể khiến cao thành đầy hào, chưa bằng cứu chết Kỹ Lương. Cho nên vinh, nhục, sống, chết là định phần tự nhiên, nếu Thánh cùng nhân không thể tự khởi, rất muội câu thô xấu mà lý vẫn hiển.

LUẬN NHÂN DUYÊN VÔ TÁNH CỦA PHÁP SƯ CHÂN QUÁN ĐỜI TRẦN

Thỉnh Nghi Công tử có lời với Thông Hối tiên sinh rằng: Hai nghi mới phán thì thứ loại nương, bảy điều đã treo thì triệu dân kính ngưỡng. Nhưng sinh trước chết sau buộc tượng chưa rõ. Từ xưa đến nay Hiền thánh ở đây đâu xét, mà mong quân tử xen lẫn tham cầu, danh nhân mộ lý tranh xuyên tạc, góc đây chỗ nói thì nói đây tự nhiên. Điều họ Giả nói thì cao bày báo ứng, dấu tự nhiên nhọn bén sẽ hơn ở trước báo ứng chiến tranh bại hoại ở sau, mà tâm ngu khó mở, thức tối dễ mê, hai lý giao nhau chưa biết ai đúng.

Tiên sinh Thông Hối bèn chống tay đáp rằng: Xét Thanh Luận của hai ông thật đều là gò cao riêng góc. Tự nhiên thì nương bên Lão Trang, báo ứng thì bắt chước theo Châu Khổng, nếu gọi là cấm thì đã

mất mà giúp cũng chưa được, nay vì các ông suy nêu mà trình bày. Ba kinh năm điển lý thiện ác chưa bày, tám sách chín khâu đường sáng tối vẫn bung che, hướng chi vườn sơn quan lại ngạo nghệ hoảng hốt sinh cuồng, riêng xưng tông tạo hóa, riêng cứ tánh tự nhiên, chính là cầu tục nhất thời chẳng quan hệ gì huyền mưu của khế lý. Nay xin hỏi gốc của tự nhiên là đến chỗ nào? Có nhân quả hay không nhân quả? Nếu cho là tự nhiên còn luận nhân quả thì sự giống mâu thuẫn, hai lời nuốt nhau người ngu cười, người trí buồn, thẳng để mình kính mến không phiền nhiều nạn. Nếu cho là không báo ứng đốn dứt nhân quả thì vua tôi, cha con không hành đạo này? Lời của nhân, nghĩa, hiếu, từ đâu dùng. Lại người làm ác được vui, làm lành gặp tai ương lẽ ra đốt lửa được nước, gieo đậu được gạo, chưa thấy tiếng chẳng hòa âm vang, hình cong mà bóng thẳng.

Nếu cho huân tập thượng thánh mà sinh con như Đan Chu, trọng hoa chí đức mà sinh ra mù gây, lại là tự nhiên mà như vậy, dòm là dưới chân mà không chân, đạo chí thân gọi là thiên tánh mà đều tùy hạnh nghiệp không hề quan hệ nhau. Nghiêu Thuấn là cây đức ở đời xưa cho nên bẩm thọ linh trí. Mù gây là khởi ác ở đời trước cho nên đến đây bị ngu độn mà lại cùng kết trọng duyên lại bày phát nhau, bèn muốn nhân phạm hiển Thánh dùng trí hóa ngu. Nếu không có hung xấu của mù gây thì đâu biết sự tốt đẹp của khắc giai, tự chẳng phải huân hạnh Thánh thì ai giáo hóa ác mạn du? Cho nên A-nan và Điều-đạt đều là em của Thế Tôn, La-hầu, Thiện Sinh là dòng dõi của Như Lai, mà A-nan gần gũi hầu hạ, còn Điều-đạt thì khởi nghịch lại. La-hầu thị hộ châu chớ phạm. Thiện Sinh thì phá đồ khó thấu. Do đây mà quán sát có thể biết.

Nếu nói rằng đều có tự tánh không thể đổi dời, cái điều khác đây không như vậy. Còn như chim ưng hóa thành chim Cưu, bốn tâm mau hết, quýt biến thành chỉ vị trước chưa tiêu. Xưa giàu nay nghèo, lý định tánh khó đoạt, trước sang sau hèn thuyết phú mạng ở đâu? Lữ Vọng giết trâu sau làm Thái Sư, Y Doãn gánh đánh cuối cùng được lên Thừa tướng, Tả Uyên bốn bên đều là hoạn sau được nổi danh, khắp nơi điếm ba hai, tối xưng linh đức. Xà Vương tội không nghe, bỗng nhiên đổi cơ đồ. Dục Vương tội đâu lớn bỗng có thể tôn vinh điều thiện. Nếu y lý tự tánh này thì có được nghĩa này?

Nghĩa lành chỉ nên tu lành đâu thể chút thời khởi ác, người ác thường tự khởi ác, không cho một niệm sinh thiện. Đây thì tươi khô, vinh nhục đều giữa tất nhiên, ngu trí, cao thấp không sửa đổi đâu phải kia vậy, hay quyết không vậy? Lại nếu cho người tu đức lại cảm ưu

buồn, kẻ làm lành lại bị trầm luân vì mạng tự nhiên, cũng không đúng. Nếu làm lành mà mong quả báo là cách điều thiện càng xa, tu đức để nổi tiếng thì lìa đức càng lắm. Nếu quyết nổi bậc tánh khuê chương, hoại tâm ngọc uyển diễm, vốn không có ý ở tiếng tăm, không hề mừng nơi sang giàu mà tiếng anh tài quyết quẩn bách rất mừng mới đến. Hoặc có thể chưa gặp tri âm lại đồng tan cây, không gặp ngọc riêng thì đều chìm dưới bùn. Tạm là rồng ẩn không thiếu, đức phụng đầu dung, nhỏ mọn trong trời đất, quấy nhiễu thế gian, tự có thể vốn cùng không phiền được mất. Đến như Thái Bá, Cao Nhượcng tiếng thơm ngàn đời. Trọng Ni nghèo khổ mà danh truyền muôn đời. Nhan Hồi chết yếu, nghiệp không lâu dài lại gây ra bệnh này, phải do nhân bệnh chưa hết. Hai ông chịu chém càng hiển ác của Vệ Linh, ba nhân chịu chết mới thấy lỗi của Ân Trụ. Đói ở đầu non không trách thỏ cầu danh, chìm ở sông Mịch còn để lại lỗi oán hoại.

Vả lại, nghiệp quyết định, chẳng phải thần lực cứu được quyết phải chịu báo, đâu phải Thánh trí mà đỏi được, đều khởi nhân xưa chẳng phải nay tạo. Nếu cho rằng cắt mổ là việc mà cầu thọ trăm năm, trộm cắp ở trong lòng mà của tiền đầy cả ức, cho là định tánh mà như vậy cũng chưa đủ dụ. Đây do đời xưa có chút lành, cảm mạng tài đây. Đời nay tai ương nặng chưa vơi lấy quả báo, vì kia là tội đã lớn chịu khổ phải nhiều, cho nên lại hoãn sự chết kia, vì thế đầu kia ác, một sớm họa đầy nhóm gây hấn thì lật ổ bể trứng, lớn quỳ cách tử nê lê, thường ở địa ngục Vô gián. Cho nên sách nói rằng: “Ác không nhóm không cho là diệt thân” chính là nghĩa này. Cũng thấy có người chiêu cảm quả báo sự tiếp thấy nghe, đến như Vương Mãng soán nghịch thì bị treo đầu ở đoạn đài, Đổng Trác hung tàn thì phơi thân ở chợ, Tấn Hầu giết Triệu Sóc buồn cảm hãm xí, chúa Tề hại Bành Sinh có đua đồ xe, ngôi nhà Hạ đảo điên vì tội của Kiệt, tông nhà Ân tan vì lỗi của Trụ. Cho nên biết nghĩa nhân quả lẫn lộn khó có tiêu chuẩn, lý nghiệp báo so le không nhất định, cái gọi là sinh báo, hiện báo và hậu báo.

Công tử nghi ngờ nói rằng: Nếu cho chấp tự nhiên đối với nghĩa không thể, thì hiện báo ứng ở lời là được, mà ý chỉ trước lại nói rằng: “Những điều hai ông trình bày đều trái với kế lý,” chưa biết ý này có thể được mà nghe ư?

Tiên sinh Thông Mẫn nói: Ông đã hết lời hỏi hai ba lần, tôi cũng mấy lần đáp lời ông. Nhưng tự xét mình thấp hèn chưa bày cốt yếu nhiệm mầu kia. Xét pháp vốn chẳng thật có, chẳng có thì không sinh. Lý tự chẳng phải không, chẳng không thì không diệt. Không sinh không

diệt, các pháp ở đâu? Chẳng có chẳng không muôn vật nương đâu? Mênh mông thanh tịnh đường suy cầu đứt ở đây, dĩ nhiên bình đẳng, đường tắt thủ xa không theo, há có lý báo ứng để cầu, tướng thiện ác sẽ được. Ngay cả chúng sinh phàm phẩm chưa rõ đầu mối này, cho nên khởi tranh luận ngang trái, gượng sinh phân biệt, cái gọi là người khát theo bóng nước, nước ở ao nào? Dụi mắt thấy hoa, hư không không hề có hoa. Nhưng vì dốt dẫn tình gần bỏ lằm nặng kia gạn bày nhân quả lược hiển bày nghiệp duyên, khiến định tánh trừ chấp tự nhiên, nếu hiểu chánh lý ngộ chân pháp này cũng dựa vào chỗ nào mà có, chỗ nào mà không? Vì vậy hai ba quân tử nhìn nhau tâm kinh ngạc vui mừng lãnh ngộ, lui tòa kính phục nói rằng: “Ngày nay có thể gọi là sớm nghe chiều chết, luống xưa thật quý, nhóm đeo đều nghiêng giống gió thu hoa rụng, nhiều nghi đều tan. Thí như mặt trời mùa xuân làm tan băng. Cần thận phải cùng bỏ mê trước, đồng tôn nghiệp sau.

VĂN NGUYỆN NHẤT THIẾT KINH CỦA BA BỘ ĐỜI TÊ THUỘC VỀ NGỤY

Ba cõi phân chia, bốn loài bầm tánh cùng sống trong nhà lửa, đều chìm trong biển đục, cho nên Pháp vương phải vận cồn bãi, người giác ứng kỳ xe cộ dẫn dắt bọn đăm chìm kia về nơi đất thù thắng này. Từ mây báu bên Tây ánh pháp vẽ sông Đông, cam lồ chảy rộng theo gió cảm trao. Nhà vua thống lãnh thiên hạ, tôn đạo sùng pháp, cứu chúng sinh nơi có đối đãi, vớt chúng sinh nơi không hai, cho nên khắc chiêm-đàn, làm lụa, tạo đá, chạm vàng, khắp nơi muôn nước số nhiều như cát bụi. Lại ra lệnh ty tôn có sự đen trắng tinh thành dụ nơi da cốt, câu kệ đều ở cung rồng, miệng vàng chỗ tuyên gồm khuyến thiện, đều có ba bộ, hợp cả ngàn quyển, đem công đức này tâm như hư không, dùng bình đẳng thí không suy nghĩ chẳng bàn bạc, nhờ nguyện lực của ta đồng lên thượng quả.

VĂN NGUYỆN KINH TẶNG NHÀ CHU, VƯƠNG BAO

Ngày..... tháng..... năm, đánh lễ v.v... Bởi có nghe dấu vết chín sông sách tấn Ôn Linh Khâu, trong bốn vết dây sách dấu các ngọc. Cũng có gò xanh phủ tía văn Tam Hoàng khắc đá, khuôn mẫu xanh, dây màu vàng chữ của Lục Giáp linh bay, đầu bằng bí tàng của Như Lai. Thí như minh châu kia. Chư Phật làm thầy đồng như gương sáng sạch, pháp Tứ đế ở Lộc uyển văn tám Kiền ở Ni Viên, năng lực Hương Sơn rộng lớn đâu nói rằng gánh vác được. Do ở năm Chiêu Dương rồng

nhóm giếng trời Tấn làm v.v... kính tạo tất cả kinh tạng, ban đầu dạy ở sinh diệt đến thuyết Nê Hoàn luận bàn ít có, kệ ngắn hay văn xuôi, đầu xanh, hòm bạc, văn đen, hộp ngọc, thuốc bột Lăng Dương, chỉ quán tiên tự, cửa Doãn trông hơi, cất nhận lời màu, chưa có Long Thọ lợi căn xem đề không khắp, hạnh Tư Đà cạn, cùng ngồi chưa nghe. Trọn âm Thiên Trúc cùng là Bối, tro chia tám nước, văn theo Kế Tân đá trọn sáu thù, sách về biển lớn. Kính mong thần linh quá khứ nương đạo lực này được vô sinh nhẫn đầy đủ oai nghi. Lại nguyện ngôi vua lâu dài thần dân an vui, bốn phương trong thêm muôn phước hiện tiền, oán thân sáu đường đồng lên Chánh giác.

VĂN NGUYỆN BẢO ĐÀI KINH TẠNG, TÙY DƯƠNG ĐẾ

Đệ tử thọ giới Bồ-tát là Dương Quảng kính lễ, kính nguyện Như Lai ứng thế, tiếng giáo giúp vật, tha thiết vi diệu bí mật kết tập pháp tạng. Đế Thích, Luân vương đã nhận lời phó chúc, Bồ-tát Thanh văn được nêu đại hóa, độ thoát vô lượng cho đến ngày nay, chí tôn cứu sự chìm đắm, trăm vua lẫn lộn, bốn biển ngày bình bầy, đạo tục không thiếu mà Đông nam dân ngu xúi giục lẫn nhau nhận triều lược trọng ven biển xanh, sai dịch không nhọc thầy do thời yên, lại suy nghĩ sâu linh tượng tôn kinh nhiều như tro tàn, kết tóc dây mục chôn vùi cống rãnh. Đây là do mạng xa các quận nơi nào cũng đến nhóm, chưa đến một tháng ghe nhẹ gồm đến, bèn ra lệnh cho ty học nương tên chép thứ tự và lập đạo tràng, nghĩa phủ suy nghĩ kỹ chứng minh lý do, dụng ý so sánh phần nhiều được bốn loại trang nghiêm sửa chữa xưa cũ cho mới. Đài báu bốn tạng gần mười muôn cuộn, nhân phát thệ nguyện rộng lớn, thường làm cho lưu thông, bèn chép nguyện văn đều nối quyển sau, thường thuộc yết kiến chép công mới xong. Nay chỉ chánh tạng Bảo Đài trọn đời thọ trì, kia tạng kế trở xuống thì mặt trời tuệ, mây pháp, đạo tràng, hàng ngày trang nghiêm hằng thiện cõi linh. Ngoài ra, kinh đô chùa tháp tịnh xá các nơi, mà Phạm cung có xen lớn nhỏ, Tăng đồ cũng có nhiều ít, đều tùy kinh bộ nhiều ít châm chước chia giao, người trao đã chí khẩn, người nhận cũng nên hết lòng trân trọng. Trường tồn pháp bản xa bày Đạt-ma hẳn muốn truyền văn đến vào chùa viết.

Bồ đề khiến rơi rụng hai lỗi không làm, Phật trước Phật sau tin chắc đồng miệng vàng, tức giáo ngay giáo đầu khác ngọc điệp. Trên núi Tu-di các Thánh chung giữ gìn dưới biển Kim cang trời rồng đều ủng hộ mất ở Diêm-phù cũng giống như vậy. Người theo niệm sao chép thiếu thành thật rất thanh, tâm hay siêng đốn đầu lương công đức, bỏ

hết tịnh tài đâu hề tính kể, giúp mưa ngọt dùng tươi tốt mầm khô. Sinh ra chư Phật vốn là Bát-nhã, người mở mang chẳng phải đạo mở mang người, tha thứ mình ân sâu tức là tự làm. Nay bày ý này dường như chấp trước, nếu không khai kính thì không sâu bền, tự làm và dạy người đủ trong kinh luật, ngoái lại theo thức nhỏ bé thật hổ thẹn khắp nơi. Nhân quả suy nhau đâu khác mắt thấy, đâu không biết riêng thiện?

Vả lại vui tối thắng vô vi bậc nhất, pháp sau màu nội điện tự mở chúng Tăng đâu có việc khư khư gánh vác ngang hông. Nhưng mừng nhờ đời trước gieo trồng nuôi lớn cung vua, yết kiến vua đến sân, khuyến khích giữ gìn xa lớn. Ra nhận phiên gửi thường dùng thần căng, chẳng phải lễ nhạc chính hình một phen tôn thành ý chỉ, mà ghe thuyền chở ra cày thờ chẳng đọa, không cho bỏ lúa mà đồng vườn xiêu vẹo, biến Bồ-tát thành Thịnh văn, vượt dụng trái phương cách, đã không thể dốc tin nhận dặn dò trộm dấm đương nhân từ.

Nhưng năm hạng Pháp sư đều được sáu căn thanh tịnh, đúng như lời dạy tu hành, Niết-bàn rất gần. Đi giữ kinh luật không nương giới Phật, miệng lại nói không, tâm dính mắc nơi có, Vô thượng của Vương tùy bịnh cho thuốc khai sữa ngậm đề hồ vì phương đã khác, lưỡi lạnh đắng nóng, cách trị cũng khác, thí như cửa trước cửa sau, đến riêng cơ tánh, gốc, cành, nhánh, lá chịu thấm nhuần trọn giúp, gồm hội bốn câu đều là vào đạo. Dụ như hỏi hiểu hỏi nhân Khổng Tử đáp tuy khác, trị thân trị quốc ý Lão Tử không trái, khác đường đồng về, một mối trăm lo, trong ngoài dung nhau, nghĩa đồng hỗn hợp, chỗ nào có học Tỳ-đàm mà không thành thánh, chấp lê-na liền sẽ ngộ chân.

Sư tử nghiêm khải trở lại cho hủy nơi mắt tò vò, chân tượng đến đáy lại bị chê trách nơi phòng, tâm đồng kiếm kích tranh như nước lửa. Ý kinh ý luận đều không như thế, thông kinh thông luận vì sao như thế? Sợ thí cam lồ liền thành thuốc độc, thẳng như đồng vị biển thì có ra đề hồ. Thánh ngự bảo xanh, trời bay vòng vàng mây động, nhận muôn điều thiện ở nhân thọ, gồm Nhất thừa khắp hội, khai phát hàm thức giúp độ chúng sinh. Nay chỗ truyền kinh khắp trong cõi, chúng Thánh ẩn sức quyết chỗ phương khác, cùng lên Bồ-tát sớm chứng thường vui, là bày nói của đệ tử thuận theo thế nguyện rộng lớn, ở nơi vô cùng bình đẳng chỉ vậy. Thông để xướng bạch, hiểu thức niệm thể tùy hỷ.

THỈNH VUA SOẠN LỜI TỰA KINH

Sa-môn Huyền Trang nói: Trang tôi từ niên hiệu Trinh Quán năm đầu sang Tây Vực cầu bí tàng của Như Lai, tìm di chỉ của Đức Thích-ca

gồm được sáu trăm năm mươi bảy bộ (657) đều cho chép ở Bạch Mã, đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười tám mới trở về kinh ấp, xét nhờ sắc chỉ. Nay ở đạo tràng Hoàng phước mở đợt phiên dịch, nay cho dịch ra các kinh Bồ-tát tạng, cúi xin rủ ân để soạn lời tựa kinh, chỉ có mong sắc chỉ mới khắp Trung Hạ và soạn Tây Vực truyện một bộ hai mươi bốn quyển, kính nhờ Xá Nhân Lý Kính một phen đem cung tiến, không nài sợ sệt kính dâng biểu tấu, kính lời.

SẮC CHỈ ĐÁP BIỂU TÂM CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Xét thư đây đủ ý chỉ, Pháp sư xưa nêu chí cao soạn ra tờ biểu. Phàm nhờ ghe báu mà lên bờ kia, tìm tòi đạo màu mà mở cửa pháp, rộng mở mang dụ lớn, gột rửa các lụy. Cho nên mây từ muốn cuộn, mở nó mà che bốn loài, mặt trời tuệ sắp lặn làm sáng đó mà chiếu soi tám cõi. Duỗi sáng đó chỉ có Pháp sư, trầm học cạn tâm ngu ngốc, đối với vật còn mê hướng gì Phật giáo sâu màu, đâu thể suy lường, xin soạn lời tựa kinh chẳng phải chỗ mình nghe. Lại nói rằng mới soạn Tây Vực Ký ngay khi mở xem, ra lệnh cho Huyền Trang lại thỉnh soạn bài đề kinh.

BÀI TỰA TAM TẠNG THÁNH GIÁO CỦA THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ

Có nghe, hai nghi có tượng, hiển che chở hàm sinh bốn thời không hình ẩn nóng lạnh để hóa vật. Do vậy dòm trời xem đất, ngu dốt đều biết đầu mỗi kia, sáng âm rộng dương, hiền triết số kia ít ỏi, nhưng mà trời đất bao trùm nơi âm dương, mà dễ biết do kia có hình tượng, âm dương ở trời đất mà khó cùng vì do kia vô hình. Cho nên biết tượng hiển rõ nhỏ nhiệm dấu ngu cũng không lầm, hình ẩn không thấy kẻ trí còn mê, hướng chi đạo Phật rộng lớn, rộng không, nương vào sự vắng lặng rộng giúp muôn phẩm, kinh điển ngự mười phương nêu oai linh nơi Vô thượng, ép thần lực mà không thấp. Lớn đó thì hơn cả vũ trụ, nhỏ thì nhỏ hơn đầu lông, không sinh không diệt, trải qua ngàn kiếp mà không xưa. Hoặc ẩn hoặc hiện chờ trăm phước mà dài đến nay, diệu đạo ngưng huyền, vâng theo đó đâu biết mé kia, dòng pháp vắng lặng rót đó đâu lường được nguồn kia. Lúc nhúc phàm ngu đầy tràn thấp kém gặp chỉ thú kia có thể không nghi ngờ hay sao?

Nhưng thời hưng khởi đại giáo nên tảng ở nước Tây, bay đến triều đình Hán mà báo mộng, chiếu cõi Đông mà lưu lòng từ. Xưa lúc chia hình phân dấu lời chưa rong ruổi mà thành hóa, đời ngay thường hiện thường. Dân ngưỡng mong đức mà biết tôn trọng, mờ bóng quy chân,

dời nghi vượt đời. Mặt vàng che sắc, không gương sáng ba ngàn, tượng đẹp mở cơ đồ không điếm tướng bốn tám. Vì vậy lời vi diệu rộng giúp, cứu hàm loại nơi ba đường, di huấn xa đọa, dẫn dắt chúng sinh lên Thập địa.

Những chân giáo khó mong, đâu thể một phen chỉ quay về, học cong vẹo lại dễ theo. Tà chánh ở đây lộn lạo nên nói có không, hoặc tập tục phải hay trái, thừa lớn nhỏ chợt theo thời mà thành hay ẩn có Pháp sư Huyền Trang là lãnh tụ của các Pháp sư, thông minh từ nhỏ, sớm ngộ tâm ba không, lớn lên khế hợp thần tình, trước ôm hạnh từ nhẫn, gió tung nước trắng, chưa đủ sánh với tinh hoa kia. Sương tiên, châu sáng đâu thể so sánh sự sáng nhuận kia. Cho nên dùng trí không lụy, thần sánh chưa bày, vượt sáu trần mà vọt ra, riêng ngàn xưa mà không đối, ngưng tâm trong cảnh. Buồn cho chánh pháp chết dần suy nghĩ dừng ở cửa màu, khảng khái văn sâu lằm lộn, suy nghĩ muốn chia điều, chẻ lý, rộng điều nghe trước kia. Dứt nguy nổi chân, mở cho kẻ học sau, ở đây do cao tâm nơi cõi tịnh, đi đến Tây Vực, nương đạo xa nguy, chộng gây riêng sửa, nhóm tuyết sớm bay, giữa đường mất chỗ, sợ cát đá tối khởi, ngoài không mê trời, muôn dặm núi sông. Trừ sạch mây mù mà tiến ảnh, trăm lớp lạnh nóng đập sương tuyết mà bước tới trước, thật nặng, nhọc nhẹ, cầu sâu, nguyện đạt, đạo khắp cõi Tây mười bảy năm, trải qua khắp đạo tràng mưu cầu chánh giáo. Song lâm, tám thứ nước, mùi đạo, ăn gió, Lộc uyển, Linh Thứu, chiêm ngưỡng kỳ lạ.

Nương chí ngôn của bậc Tiên thánh, nhận chân giáo với bậc thượng hiền, tìm tòi cửa màu, tinh cùng nghiệp sâu. Đạo Nhất thừa năm luật rong ruổi nơi ruộng tâm, văn tám tạng ba hòm. Sóng cả ở cửa biển, tự chỗ trải qua cõi nước, gồm gần ba tạng văn cốt yếu, có sáu trăm năm mươi bảy bộ, dịch khắp Trung Hạ, giảng nói nghiệp Thánh. Dẫn mây từ ở cực Tây, giáng mưa pháp ở Đông độ. Thánh giáo thiếu mà lại đủ, chúng sinh tội mà lại phước, mát nóng nực trong nhà lửa, cùng cứu đường mê, sáng nước ái nơi sóng mê đồng đến bờ kia. Ở đây biết nhân ác đọa nghiệp, do duyên lành thăng lên, điếm đọa hay thăng chỉ do người gây ra, thí như cây quế sinh ở núi cao, mây mù mới ướt được hoa kia, sen vọt ra khỏi bùn bụi bay không thể làm dơ hoa kia, chẳng phải tánh sen tự trong sạch mà chất quế vốn trinh, vì chỗ nương, cao thì vật nhỏ không thể lụy, chỗ nương sạch thì loại dơ không thể dính, do cỏ cây vô tri mà còn nhờ tốt thành tốt, hướng chi con người có sự hiểu biết, không duyên mừng mà cầu vui, so gỏi kinh này truyền khắp ngày tháng mà không cùng, phước này xa bày cùng trời đất mà thường rộng lớn.

CẢM TẠ SẮC CHỈ GIÚP MỞ LỜI TỰA KINH

Sa-môn Huyền Trang nói: “Có nghe sáu hào nghiên cứu sâu xa cuộc hạn ở nơi sinh diệt, tên chánh trăm vật chưa hợp cảnh chân như. Vẫn lại xa gạn nghĩa sách, thấy sâu xa không lường thân kia, xa tưởng đồ hiền trải qua lựa chọn đều quy về sự tốt đẹp kia. Cúi xin Hoàng đế Bệ hạ đài ngọc giáng chất vòng vàng ngự trời, mở chín châu của Tiên Vương che trăm ngàn mặt trời mặt trăng, chia bày niên đại khu vực, nạp hàng sa pháp giới, khiến cung cấp vườn tinh xá đều vào đề phong, linh văn lá Bối đều quy về pho sách. Huyền Trang tôi lúc xưa chống gậy đi đến núi cao, trải qua vạn dặm đường, nhờ oai trời như bước tắc, chẳng nương ngàn lá đến Song Lâm như mới ăn, tìm tòi ba tạng tốt ở cung rộng nghiên cứu Nhất thừa cùng ý chỉ để lại ở Linh Thứu, đều che chở đến Bạch Mã, hiến dâng tử chấn, mong nhờ hạ chiếu ban cho được phiên dịch. Sự biết của Huyền Trang trái Long Thọ, làm thêm sáng truyền đăng, tài khác Mã Minh rất hổ thẹn thông minh vẽ bình, kinh luận đã dịch khác nhau rất nhiều bèn nhờ ơn trời lưu thần soạn văn tựa, vượt tiêu biểu tượng, như mặt trời phóng ngàn tia sáng, lý làm cửa các nhiệm mầu, đồng mây pháp thấm trăm cỏ. Một âm giảng nói ức kiếp ít gặp, không cho chúng sinh nhỏ thân nương phạm hưởng, vui mừng khắp khởi như nghe thọ ký không nề tốt mừng gánh vác, kính dâng biểu tâu lên bày tỏ cảm tạ, kính lời.

SẮC CHỈ ĐÁP CẢM TẠ

Trăm vừa tạ Khuê chương, lời hổ thẹn rộng hiểu đến như nội điển, là chỗ chưa nghe, hôm qua soạn văn tựa rất vụng về, chỉ sợ làm dơ mực đen ở sách vàng, so ngôi đá với rừng châu, bỗng được thơ gửi đến lầu nương khen ngợi, theo vòng xét suy nghĩ càng thêm dày mặt, thiện không đủ xưng luống nhọc có ra lời cảm tạ.

LỜI TỰA THÁNH KÝ TAM TẠNG KINH DO HOÀNG THÁI TỬ LÀ THẦN TRỊ SOẠN

Hiển Dương chánh giáo, chẳng phải trí thì không gì làm rộng văn kia, mở mang lời màu, chẳng phải bậc hiền thì ai có thể định ý chỉ kia. Bởi chân như Thánh giáo là tông nhiệm mầu của các pháp, là phép tắc của các kinh, bao gồm rộng lớn ý chỉ suy xét nhiệm mầu. Tốt hư không có sự tinh vi, là cơ yếu của thể sinh diệt, lời tươi tốt đạo thoáng rộng, tìm đó không tốt nguồn kia, văn hiển nghĩa sâu. Che đó đâu suy lường được mé kia. Cho nên biết Thánh từ chỗ giúp, nghiệp không thiện thì

chẳng đến, diệu hóa chỗ bày duyên không ác mà không cất. Mở giềng mối lưới pháp, rộng chánh giáo sáu độ, cứu chúng sinh nơi lâm than, mở bí mật ba tạng, do đây gọi là không cánh mà bay xa, đạo không gốc mà thường vững bền, danh đạo truyền mừng, trải qua lâu xa chốn thường, đến thân cảm ứng trải qua nhiều kiếp mà không hư mục. Tối chuông chiều phạm, giao hai âm ở núi Linh Thứu, mặt trời tuệ lưu truyền pháp chuyển hai vòng nơi Lộc uyển, bày lọng báu ở hư không, tiếp mây lành mà cùng bay, làng xóm như rừng xuân, chung màu với hoa trời.

Cúi xin Hoàng đế Bệ hạ trên cao giúp phước rủ lòng bao bọc mà trị tám hoang. Đức giúp dân đen, xem vật áo mà triều muôn nước, ân thêm cốt khô nhà đá quy về văn lá Bối, đầm và côn trùng, hộp vàng lưu kệ tiếng Phạm, bèn khiến nước A-nậu-đạt thông tám sông thần điện. Núi Kỳ-xà-quật tiếp ngọn xanh Trung Hoa, trộm cho pháp tánh vắng lặng chẳng quy tâm mà không thông, trí địa màu sâu, cảm khẩn thành mà hiển hiện, há gọi là đêm tối dày đước tuệ soi sáng, sáng nhà lửa giáng mưa pháp thấm mát. Vì thế trăm sông khác sông khác dòng đồng hội về biển cả, vạn khu chia nghĩa gồm thành nơi thật, há cùng Thang, Võ bắt chước hơn kém, Nghiêu Thuấn sánh cùng Thánh đức kia ư?

Pháp sư Huyền Trang, đời trước có tâm thông minh, nay lập chí lớn gọn, thân xanh thời mắng sửa, thể cứu đời phù hoa, ngưng thần định thất, trốn dấu vết nơi thâm nghiêm, dừng nghỉ ba thiền tuần du Thập địa, vượt cảnh sáu độ, riêng bước Ca-duy, hội ý chỉ Nhất thừa, tùy cơ hóa vật. Do Trung Hoa không chất tìm chân văn ở Ấn Độ, xa hợp hàng hà trọn mong tròn chữ, liền lên núi Tuyết lại được nửa hạt châu, hỏi đạo trải qua mười bảy năm, đủ thông kinh Phật lấy lợi sinh làm tâm. Đến ngày sáu tháng hai, niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín phụng sắc chỉ đến chùa Hoàng Phước phiên dịch văn yếu Thánh giáo, có sáu trăm năm mươi bảy bộ dẫn dòng pháp của biển cả rửa trần lao mà không cạn, truyền ánh sáng lâu của đèn trí chỗ tăm tối hằng sáng. Tự chẳng phải từ lâu đã gieo trồng nhân duyên thù thắng thì do đâu mà mở rộng ý chỉ này? Cái gọi là pháp tướng thường trụ bằng ánh sáng ba quang (mặt trời, mặt trăng, sao). Vua phước đến đồng bền chắc của hai nghi (trời và đất), xin được vua soạn lời tựa các kinh, soi xưa vượt nay, lý hợp tiếng vàng đá, văn bao trùm gió mây thấm nhuần. Trị nổi để nhẹ trần, chân núi sương rơi thêm chảy, lược nêu đại cương để làm lời ký đây.

HOÀNG THÁI TỬ ĐÁP THƠ SA-MÔN HUYỀN TRANG CẢM TẠ LỜI TỰA THÁNH GIÁO

Tế trị không tài, tánh học chẳng thông minh, các văn nội điển đâu chưa xem, bài tựa luận đã soạn, vụng về rất nhiều, bỗng gặp thư đến khen ngợi thuật võ về, thân tự xét hổ thẹn, sợ giao bái nhọc thầy xa đến rất hổ thẹn.

CHÚ TỰA KINH KIM CANG BÁT-NHÃ

Như đại hồn đều hình mất trí theo vật, tình nhân tu tập đổi, tánh cùng lự đời. Nhưng thì xem xét cùng tội bất chước bậc tiên giác, đuốc tuệ lớn soi sáng để ra khỏi tối tăm dày, vượt sông ái mà lên bờ kia, cùng luân chuyển muôn kiếp bởi nhiễm sáu trần, chạy trốn khỏi xoay vần không bờ mé, rong ruổi mà đến đường tắt, đâu thể đồng ngày mà nói. Quay về đường chánh, hiển danh tướng Đại thừa, nêu tông cực bất trụ ra ngoài tâm lự, dứt ngoài ngôn tượng, là do kết tóc thọ trì nhiều năm. Dầu âm mâu giảng nói thành tụng không thiếu, mà nguồn linh sâu xa hoặc có chưa ngộ, lằm lổng xa mê phương làm đường bằng mà ngồi nghi.

Có Pháp sư Tuệ Tịnh rộng thông nghĩa sâu xa, biện đồng nói năng lưu loát, lý nghiên cứu liên hoàn, dẫn sinh vào nhà nghiên cứu cơ, phục ứng khéo dạy dỗ. Nương thệ nguyện này vẫn cầu chú thuật, Pháp sư treo gương quên bệnh tự đủ. Trên nương đạo thần ứng, bên cạnh dụng tâm cơ, mở bày lời vi diệu, tuyên dương chí lý. Ngày xưa nghi cũ đổi nước giải thích khiến diệu nghĩa đây sáng như sương tan, làm rường cột cho tượng pháp, làm tai mắt cho chúng sinh, lời lẽ bén nhọn, sáng non Thửu mà tướng cao, suối lời khích mạnh, đến cung rồng mà tranh xa.

Vả lại giáo pháp họ Thích, kinh điển cõi Tây, nguồn đạo chảy về tông, đời vui hiền trí, tài gồm ưu hạp, tinh thông ý chỉ ít người sánh được. Nay thì Sa-môn lại mở sách rất đúng thời, nghĩ huyền tông đây tươi tốt thơm tho làm đầu. Tuổi chỉ là yêm mậu mới sáng lập tay áo. Trăng giãm Trọng Lữ ở đây tuyệt bút, đạo và tục du ngưỡng hiền dù thành mát. Hòa chuông theo lớn nhỏ kia, kiếm kêu phát ánh màu, một thời bạn học chuyên môn thọ nghiệp, đồng bước sóng ngời thay nhau truyền trao. Mới lại đoái hoài lâm, xa nương thấy an sống, riêng bước đường cao, nêu bày chánh pháp đông xa gốc chân mong treo vàng mà không xét, chỉ nam chỗ nương, giấu quần ngọc mà không thiếu, há không đầy ư? Há không đầy ư?

TỰA CHÚ KINH KIM CANG BÁT-NHÃ

Ty Nguyên đại phu Lũng Tây Lý Nghiễm tự là Trọng Tư soạn.

Phàm xem chim rủ vãn, phép tắc rộng lớn ở tám thể. Khóc lân mở giáo điển, đối sóng lớn ở chín dòng. Theo dấu vết kia không vượt qua cõi nước, hợp nguồn kia chỉ quy về nhân nghĩa, ai bằng chí Thánh nương thời, năng nhân chiếu pháp, mở lòng thu nơi Thập địa, gồm sa giới mà nói đạo, giải thích nước xuân ở Nhất thừa, trùm nhiều kiếp mà lưu hóa. Như chính thị tướng phi tướng, thị không phi không, sâu xa không suy lường rộng lớn không tượng, giả lời nói để lập thể, gồm quyền thật mà làm dụng, cùng chiếu của không chiếu, dẫn mê nặng ở cảnh mộng, vận tri của vô tri, dẫn quần mê nơi nhà mục, xét thật tướng kia thì Bát-nhã là tông, từ chân dung tây cảm tạ tượng giáo chảy đông, thành hương lương xây dựng nơi cõi mỏng manh. Bảo đài đời cấu tạo ở cõi trung, nhóm vây hợp cánh, hoặc theo pháp kia, mây dày mù rộng, đã ngộ chân kia, chí lý thay.

Không đặc mà xưng, nhưng Phạm bốn này đến Tần rộng Thỉ, có Tam tạng La-thập ở thành Trường An dịch một bản, tên nước Xá-vệ. Đến Tuyên Võ đời Hậu Ngụy có Tam tạng Lưu-chi ở thành Lạc Dương lại phiên dịch một bản tên là Xá-bà-đề. Giang Nam cuối đời Lương có Tam tạng Chân Đế lại phiên dịch một bản tên là Kỳ Thọ Lâm. Đầu đời Tùy niên hiệu Khai Hoàng có Tam tạng Phật-đà-da-xá lại dịch một bản tên là Kỳ-đà Lâm. Thời Đại Đường có Tam tạng Huyền Trang lại dịch một bản tên Thệ-đa Lâm. Dầu chia phần truyền ra mà quyển chỉ nơi chí cực, lời nôm chẻ nghĩa cũng rất khác đường. Nhưng Lưu Chi phiên dịch gồm ba quyển Thích Luận của Thiên Thân, lại dịch Kim Cang Tiên Luận mười quyển. Đầu đời Tùy ngài Gia-xá lại dịch Thích Luận hai quyển của ngài Vô Trước. So sánh ba luận văn nghĩa phần lớn đồng, nhưng mới thì lý ẩn văn lược, cũ thì công hiển nghĩa khắp, gồm có La-thập đời Tần, Tạ Linh Vận đời Tấn, Đàm Sâm đời Tùy và Pháp sư Tuệ Tịnh Hoàng triều, đều là khí nghiệp tốt đẹp học rộng nghe nhiều đam mê vị kinh điển, đều soạn chú thích, nghiên cứu khảo sát bí mật, hoặc mở rộng nghĩa lạ.

Bấy giờ, ở chùa Tây Minh tại Trường An có Pháp sư Thích Đạo Thế tự là Huyền Uẩn đức rộng, truyền đạo giúp Tố Súc, kính phục Thánh giáo, hòa nhã ưa văn này, do giải thích nhiều môn, xét hạch nhọc gần chưa bằng tham gia tổng hợp, thiếu tốt đẹp một phen cho suốt đó. Xâu hết các nhà dịch mà làm tập chú, mở đề khoa gọn đồng chép bộ này làm thành ba quyển hiệu là Tập Chú Bát-nhã, gồm ba quyển xuất

gia, hai quyển Huyền Nghĩa, hiện hành yếu dụng văn lý đều khắp, ngõ hầu khiến Linh Sơn nhóm họp, Can Thiên càng cao, biển lớn nập sóng, men sóng mặt trời càng rộng, mở văn đều cùng lý kia, giảng đạo rộng suốt tánh kia, bạn học không một nơi công gấp bội, khách bàn có đồng gồm lượm lật, miệng vàng diệu nghĩa che mặt trời mặt trăng để xa treo trục ngọc lời vi diệu suốt ba tài mà chẳng tuyệt, há chỉ tiếng thơm ở Linh Thứu, chữ chứa cung rồng mà thôi ư?

**BÁC SĨ THÁI THƯỜNG LIÊU TUYÊN GỎI THƯ CHO
CÁC ĐẠI ĐỨC PHIÊN DỊCH KINH**

*Cúi đầu lạy chư Phật
Xin oai thần ủng hộ
Sẽ bày nguyện chí thành
Không thẳng rất chề cười
Chìm đắm chưa tỉnh ngộ
Viên giác chỗ quay về
Chìm lâu nơi biển ái
Mong chờ ghe, mái chèo
Dị chấp trái tranh khởi
Hòa hợp là chỗ nương
Nhiệm mẫu lia chấp có
Lý dứt các lỗi lầm
Kiêu mạn trái tám chánh
Hý luận vào trăm lỗi
Lấy bỏ đều cùng nói
Nhiễm tịnh lẫn lộn nhau,
Lựa vàng bỏ gói đá
Ngọc trác giúp thêm sáng
Năng nhân soi xét khắp
Suy nghĩ nghiên cứu cơ
Khế đại đạo thành thật
Ai dám mà chề cười
Thẳng thắn tôn sùng đức
Chỉ có thắm áo tang
Cúi xin lưu lại cho
Ngõ hầu có phát huy
Tổ chút lòng thành khẩn
Thường qua lại dạy dỗ.*

Quy kính rằng: Xưa Đức Năng Nhân thị hiện ở cung vua, thị tịch nơi Song Thọ, lời nhiệm mầu đã nêu chí lý cũng rộng mở, cõi nước nhờ ơn nhiếp thọ, chúng sinh thấm tuệ vời tồ. Từ cây Phật mát ở Tây, bóng giác che đến Đông, Hán, Ngụy là lạt tràn, Phù, Diêu, thanh phong thái, tự là danh Tăng xuất hiện, Đại sĩ nối đường. Mặt trời tuệ treo cao, bánh xe pháp hăng ngự, mở công soi xét mới tự vọt biển, rộng sức giảng bày bên giúp Thập, An có riêng xa thì Đan Khai đến La Phù, gần thì Đồ Trưng hiện ở Triệu, Ngụy. Lời thô, sừng khuê chưa thể thường bày, đâu không nói có không ở Nhất thừa, luận tập khổ ở bốn đế, giả nói rõ có trọn chưa lìa hữu vi. Dứt lời sáng đạo mới khế chứng nơi vắng lặng, vẫn là chấp nhiệm mầu để cầu mầu nhiệm, lý là nhiệm mầu mà chẳng phải nhiệm mầu, do nhiệm mầu để quên nhiệm mầu, đều là nghĩa nhiệm mầu. Dầu thâm hội u đồ, sự dứt ngôn tượng, nhưng nhiếp chúng sinh quay về vắng lặng trọn nhờ nơm bầy, cũng đã lập lời phải quấy khởi nhơn, như chiến tranh can qua kia tranh phát khởi, người thua nín hơi người hơn là trước. Cho nên còn hàng ma chế ngoại đạo, tự chẳng phải biện tài vô úy đối đáp thì khó có phương cách, vật nhờ tuyên bày chúng ta hổ nhục. Đây cho nên chuyên tâm đến đạo, nhất ý tổng trì, dựng lập pháp tràng, trống pháp vang xa cờ trống đã dương lên thì kẻ địch suy tàn, pháp luân đã chuyển có thể oai không phục, như khiến trông cờ gió chẳng đối khó, ngậm kéo mà có thể mở mang Tam bảo là không có việc này.

Còn Dực Lữ vâng mệnh vua vào cửa có không, chạy đường chánh kiến, nghe giữ nơi Hiền xưa, rộng vi mầu ở thế cũ, lời kia giải thích rõ nghĩa kia, đức kia chân hạnh kia chấp. Đã tẩm dòng tám giải, lại ngộ phần bảy giác, ảnh hưởng thành giáo. Như Tịnh Danh đến vườn Yên-la nghe đạo quyết cầu, như Thiện Tài về vô kiết, ý mở mang Phật giáo, lập phá Sở Nhân Minh như kia là đúng, quyết cần vậy kia chỗ hay như kia là sai, lý hợp chỉ chỗ dỡ kia.

Nay hiện Tăng đồ như mây nhóm đều là lượm đá núi khác, triều đình dân chúng đều nghe. Lữ Quân yêu cầu lợi ích đâu không so sánh cho, vẽ nước đều trông sóng mỗi, điều nguồn trạo hối, nêu đồng nghi niệm. Có Thái sử Linh Hiếu Thuần Phong nghe mà tâu rằng: Thần lòng ôm đường chánh, hạnh thuộc quy y, lấy thật tế làm đại giác thân nhiệm mầu, vô vi làm điều ngự pháp thể. Nhưng mặt trời sáng rõ trên thiên không là trợ giúp vận dụng thượng huyện, hiền Tăng xiển pháp thật giúp diệu đạo của Thiên sư, là chỗ tin nhận, là chỗ an tâm, nhưng không dám lấy lá úa làm vàng, gà rừng thành phụng, Nam Quách lạt kêu,

Truy Miễn lộn dòng, hoặc có dị nghị (chê bai) đâu bộc tâm ư? Há bộc tâm ư? Nhưng rừng hạc đã sau gần hai ngàn năm, chánh pháp đã qua, mặt pháp mới bước tới, lý màu tươi tốt mà không bày. Giáo đạo tươi thắm sắp chìm mất, Pháp sư Huyền Trang Đầu-đà Pháp Giới, Viễn Đạt Ca-duy, mục kích đạo thọ dòng vàng vẫn thấy bảy chỗ tám hội, thành Tỳ-la, núi Thứu, thân vào làng kia, Ta-la thêm báu vẫn xét hư thật. Còn như lịch lãm của Vương-xá, đàn trì hằng hà (sông Hằng), như thế đồng nương tựa chưa dễ nói đủ. Thêm danh Tăng Tây Vực đâu không nói thắm Ba-nhã, Đông Vực nghi nghĩa thấy đều là chất của sư kia. Tạng Tỳ-ni đã phụng trì mà không bỏ, Tỳ-đàm rõ nghĩa cũng rộng suốt quán mà là thường. Tô đố lạc đã được rõ tiếng, Nậu-đa-la cũng mở xẻ ngưng trệ. Pháp không lớn nhỏ đâu không giấu ức bụng, lý không sâu cạn đều có thể quyết suy nghĩ thông minh, cho nên tên ba tạng ở Trung Quốc suy định, hiệu Ma-ha chính là La-vệ gọi chung, mé danh thật đâu thể gọi là đạo?

Nhưng Lữ Quân học thức rộng sâu, tinh thông nghĩa lý, ngôn hạnh khu cơ là chỗ rõ ràng. Còn như Phật Đà-la bẩm tự sinh biết, biện tài vô ngại đâu do phục tập. Nhưng do nhân minh ẩn nghĩa chỗ thấy khác nhau, dụ như chạm tượng đều được hình kia, chung đồ ăn có sắc khác. Lữ Quân đã chấp tình đạo tục, ngóng trông chỉ định, sương thu đã giáng, suy lường nghe tiếng chuông. Mây pháp đã mở sấm chấn ít phát, nhưng dấu chân long tượng loài lừa chẳng thể kham được như áo đen (tu sĩ) đức hạnh sâu xa, tại gia cư sĩ không bắt chước kịp. Chợt biết loài rồng kháng thuyết, Vô Cấu giải thích nghi, thì Bí-sô Tất-đàm cũng là Ưu-bà có thể hoàn toàn liền giúp chí vi diệu thỉnh không làm phiền. Như có nghi trệ mong hỏi ba tạng mới quyết, cho nên lãnh thọ truyền bày bốn chúng thì chánh đạo sẽ sáng rõ, che chướng hằng dứt tuyệt, nối thịnh Tam bảo kia ở đây ư? Quá đây rồi đến chẳng lại chỗ xong. Đệ tử Liễu Tuyên bạch.

TRẢ LỜI THƯ BÁC SĨ LIỄU TUYÊN

*Đại Thánh hiển hách
Giống giác tròn sáng
Không tới chẳng xét
Như vang đáp tiếng
Phí giúp mừng thọ
Ai ngộ về thành
Đạo tốt đáng kính*

Là dẫn chúng mê
 Trăm sông sóng tà
 Một vị gồm nuốt
 Vật có lấy bỏ
 Chánh chẳng thiếu đầy
 Tám tà rong nhọn
 Bốn câu Tịnh Danh
 Tô trái lạm phải
 Ưc nặng làm nhẹ
 Nắng chiếu băng tan
 Châu làm nước sạch
 Bày đức Vô thượng
 Thể đạo ở trình
 Dầu thêm khen chê
 Chưa động chút nào
 Bình minh sáng rõ
 Tươi tốt hàm tình
 Đợt người hiểu suốt
 Định quyền hoành này
 Tạm bày ấm ức
 Để chọn tài giỏi.

Lại thuật rằng: Kính xem biểu dự thuộc lời quy kính, văn kia sáng rõ vĩ đại đẹp đẽ, rõ hòa nhã có ra thành thật thay! Há không như vậy ư! Thương cho biển ái ngập trời, núi tà gạt phẳng mặt trời, phong nhân ngã, diên đọa kia đâu thôi. Ý mạn kết trăm luân mà không cùng, đến như sáu mươi hai kiến chấp tranh che ngăn mà tự ở, chín mươi lăm ngoại đạo tranh phò phục mà không trở về. Như Lai dùng bốn nguyện đại bi quên duyên phó ứng, trong đủ bốn trí ngoài hiển sáu thông, vận mười Lực để phục thiên ma, bay bảy biện mà đẹp ngoại đạo. Khô biển ái, giúp bắm thức ở ba không, dứt núi tà kia, nghiệm tiêu hình nơi tám chánh, chỉ nhân bày quả, trở về nguồn cội, lớn lao thay! Bi trí, diệu dụng, không đức mà xứng.

Xưa đạo thọ lên thường, giúp tiếng giáo nơi trăm ức, bền rừng, dừng dấu vết, chấp sót bày ba ngàn. Từ khi mặt trời Phật nghiêng về phía Tây, ánh sáng chiếu đến Đông, nhà Chu cảm điềm đêm tàn, nhà Hán thông điềm tiêu mộng. Đẳng, Lan sáng tuệ lớn ở trước. Đồ Trưng, La-thập kế tự truyền đặng ở sau, kia ở dịch kinh, hoằng pháp, thần khác giúp thời, cao luận hàng đà, an thiền răn đe vật, chấp nối lưới hư để tiếp

võ, giữ gìn gút đứt theo vai, đầu không Di Hạ mừng gió, u minh giúp giáo hóa, hoa sen chẳng đổi có thể lược rõ.

Chỉ có ngày nay Tam tạng Pháp sư ẩn linh dụ xuất, hàm chương mà thể một vị, vẽ bình để chiêm ngưỡng năm thừa. Buồn vì cách Thánh càng xa, tiếc vì giáo đến thiếu nhiều, xa suy nghĩ nghĩa viên mãn theo đạo dùng thân, tâm miệng tự mưu, hình bóng đến nhau, giủ áo cầm gậy, tính gốc tìm nguồn, ra cửa ngọc mà đi xa, chỉ sông vàng mà một phen đứt. Kê cứu nghi phạm vũ, tham xét mờ tối rộng suốt. Xoay hóa thần châu nêu chân dứt lằm, để nơm thiếu sách rất đủ thìn này. Viên tông Phương Đăng càng rộng trước bày, đã rõ thẳng nghĩa. Diệu tuyệt giữa của giữa vòng chân tánh chân không tội dụ ngoài của phương ngoài. Do có chấp, có chấp nên mất chân kia. Không hề mong cầu, không cầu hồng thật kia. Quét dấu vết hai bên, quên tướng trung đạo, lụy sót chưa đổi, kịp đến kia rất nặng không do đâu đến tội kia, cốt yếu thay! Nhiệm mầu thay! Khế hợp nơi tâm rồi mới cho đó là pháp, ở tâm là pháp, hình ngôn là giáo. Pháp có tự tướng và cộng tướng, giáo chính là ngăn thuyên nêu thuyên, tinh túy của ý chỉ, xung yếu của tông môn, há tạo thứ lớp mà kể rõ được.

Pháp sư ngưng thần sai trí rõ ngay đầu cuối nói rộng sắc màu, mở lớn cửa tối, bí mật mong ứng, hòa đánh lớn nhỏ, nghĩa rộng biển nhận lớn nhỏ của triều tông. Vì vậy thạc đức khác phương, cao Tăng khác chốn phục ứng hỏi đạo, có nghi thưa hỏi, vốn đã uống sông đầy bụng chớ lường sông cạn sâu, linh âm gồm nghe ai biết nó xa gần, đến như nhân rõ đường nhỏ hiện sánh dù bé, đây chính là chỉ phương góc người mới học, nêu cớ xí lập luận, đến như trực chốt bí mật linh yếu, diệu bỗng thành công đủ các sách sâu mầu chẳng phải điều ở đây nói.

Lữ Phụng Ngự dùng gió thần sai cứu Tảo Đàn nhiều tài, cỡi nước gồm thông, chướng xưa rộng vật sẵn bắn mở sách xưa, đi câu rất hoại sách quý, chạm loại mà lớn ứng các số thuật, trấn gió dữ nơi vườn phân biệt, cầm hoa sáng ở rừng hàn. Đầu ngựa trong mây trước kêu mặt trời xuống, năm hạnh giúp bút kia, sáu ngôi chứa đàm cao kia, một giác thái huyền ứng, lời hỏi liền giải thích, lại xét ngôn tượng, lập cách liền thành thật đời Tần tươi tốt, triều tiên Hán mạn tình, nay mới bỏ đi như vậy. Mà đã bay liệng quần lược, rộng rãi có công dư, mà có tâm kính mến Đại thừa, đời trước ai thành tín, so sánh nhân ngược nhân ngược sinh đùa cột bỗng lại thuộc tướng, nhân minh không thấy giúp dẫn dắt mình xuyên tạc, so sánh quyết các sơ chỉ bác bỏ cầu phi, nói năng bàn luận ở triều, hình ở tạo thứ lớp, xét ý chí kia, vốn đã khó thêm hạch

khảo hiểu biết kia, thật là đáng lằm.

Luận này dùng một quyển thành bộ, năm tờ thành quyển, nghiên cơ ba số, từ trước đã một vòng, nêu sai bốn mươi, tự không một đúng. Tự đã không đúng mà có thể nói đúng, bốn số không sai mà có thể nói sai, nói sai không sai, nói đúng không đúng. Nói đúng không đúng, là đúng mà thường sai, nói sai không sai chẳng sai mà hằng đúng. Chẳng hai hằng đúng, không làm sai chỗ sai. Là đúng thường sai, không làm đúng chỗ đúng. Do đây thiếu lỗi đến đổi lằm bịnh. Vả lại y cứ sinh nhân liễu nhân, chấp một thể mà quên hai nghĩa. Năng liễu sở liễu phong một tên mà lằm hai thể, lại dung tông nương tông, thể lưu nương bỏ thể để làm tông, dụ thể dụ nương bỏ thể lưu nương mà làm dụ, duyên đây hai hệ vọng khởi nhiều nghi, mê tột nhất thành lằm sinh bảy nạn.

Nhưng do tìm tòi cùng tận hai Luận sư đã nhất tâm, dính mắc văn cú ở trên dưới, lằm chữ âm ở bình khứ, lại cho Số Luận là Thỉnh Luận, nêu sinh thành làm diệt thành, đâu chỉ có sai tông do ly hợp, bởi cũng trái nghịch thuận trước sau. Lại lượm lật lý đỡ lằm vận để phát thảo bốn Phạm, chuyển âm dấu rộng, viện bảy món mà chỉ đúng một chuyển. Nhưng chẳng phải bảy món kia đã gọi bèn là tiếng kêu thứ tám, lẫn lộn, trái lằm, từ đâu mà đến? Lại xét Thắng Luận lập số thường cực vi chính là thể vô cùng, dấu cực nhỏ lại lẫn hòa hợp sinh các chữ. Số nhỏ thì thêm bớt ở thường, thể nhỏ lại thêm bớt ở cha mẹ, đến cuối cùng rồi thể khắp đại thiên, nghiên cứu kia đến chỗ số cùng chỉ thành một. Lữ Công dắt dẫn, đổi nhiều nói rằng: “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh từ tượng, từ tượng sinh bát quái, bát quái sinh muôn vật...”, đây và kia lời khác nghĩa đồng.

Nay xét thái cực không hình mở đầu sinh có tượng, nguyên giúp một khí trọn thành muôn vật, đâu được do nhiều sinh một mà nêu một sinh nhiều? Dẫn loại muốn hiển bày rộng nghe nghĩa trái, lại nương vào đâu lập dẫn lớn nêu nghĩa sinh gần giống? Như giải thích đồng với tà kiến, lụy sâu như từ đâu khởi, đâu được nếu muốn thời khen, lẫn chánh giống tà, ứng phi thân đến như thế. Chỗ sai sót rồi ren sao đáng là lời hay, đặc biệt do dùng mình gây ra bối rối này. Gốc đã không ngay cành lá tự nghiêng, theo lằm sinh nghi, tùy theo nghi lập nạn, hình cong bóng thẳng có thể được ư?

Thử nêu hai ba mong rõ đại ý, tỳ vết sâu nhiều bày ủy đáp như riêng. Xét Lữ Công hiểu soi đâu phải sóng mạnh mà đến đây ư? Bày rõ chân, tục, mây, bùn, khó, dễ, sở, việt. Nhân bóng Phật giáo rộng xa, chánh pháp ngưng sâu, thí như lò hồng chẳng phải chỗ tuyết dính, vũng

biển há ghe keo vượt được. Thái sử khiến Lý Quân linh phủ chìm kín, khâm kỳ xa mật, chuyên tinh chín số, tổng hợp sáu hào, rộng xét sách vở, xem nhìn mây vật, thấp hèn vệ rộng lớn thất độ, xấu xa công cuối tiếp, thần không trên dụng mong thật ở đây. Đã thuộc các luận Lự Công lại có ra trong lời, dùng thật tế làm đại giác thân vô vi nhiệm mẫu là pháp thể Điều Ngự, đây chính là diện mạo tin huân tu, có phần chứng bảm, tự nhiên trọn không thể thành. Bởi nói giống mà ý trái, lời gần mà ý chỉ xa.

Nhưng Thiên sư may mắn diệu đạo để lại đây, vả lại Thiên sư họ Khấu, Thôi Quân đặc biệt trung thực và để lại lỗi y. Nếu có nói gì, đầu cho là không lộn ở Truy Miễn, bởi đã tự lạp ở vùng vàng thau, chỉ có gió khởi nhà thừa rộng học hết sách vở, che thân dùng nhân nghĩa, ứng vật dùng khu cơ, nghiêm chỉnh trần trề, chọn cứng mạnh dùng can mây, bàn trong sạch sóng lớn mà trấn đất, vọt thơm văn hoa, dệt chốn rừng nho, lượm nhật chín trù, nghiên cứu rõ thuyết hai năm. Còn như kính lễ ba trăm, sách lễ ba ngàn, đầu không nghĩa thể là ngón của bàn tay, sự như cúi nhật chén mâm đều đầy, kia chuẩn đích pháp độ quyết đợi kia lung tung. Bền khiến cho thi tướng, chợt hết nghe ở dân gian, vịnh cá đẹp đầy tai nơi triều đình, chỉ có danh và thật tốt tốt và đẹp mà thành kính lại bảm thọ tự xưa thành. Tâm hoàng hộ thật chỉ chứa xưa nay, thuộc bàn nói ồn ào đây đồng hổ thẹn đau khổ trong lòng. Cho nên bề gai ngậm keo đầy ánh sáng đại nghĩa, chẳng phải tài phạm, gồm trong ngoài chiếu thật cỡ gần, đầu thể kích dương trong đục, giúp tục phò chân.

Xưa môn hạ của La-thập có ba ngàn vị, nay trong hội này người đồng đức như chợ, bản đạo hèn hạ quê mùa tạm ngồi cuối chiếu, dầu mừng sáng nghe nhưng hổ thẹn tối cảnh giác, rõ để tạo sơ ba đức và là hiểu suốt năm thừa. Tường nhọn ít nhìn, lời nhọn khó kính mến, đã thuộc buồn mê múa trống mà mưa móc quyết thấm nhuần, lời sấm phát nhanh sợ không rảnh bặt tai. Xét bàn, người xưa nói: Một cảnh có thể cụp lông, đầu phiến Đặng Lâm, nước bản đáng để chìm vầy, đầu đợi biển xanh”. Cho nên không do ngu nho rủ bức khóa hư, lời phí được miễn, thô bày đại khái, dầu văn không đủ mà nghĩa đáng xem. Nhìn lại tầm thường thấp kém của mình càng thêm hổ thẹn, chỉ trình bày, lại lời đáp còn bao nhiêu không có chỗ bày. Thích Minh Tuấn bạch.

LẠI THỈNH VIẾT LỜI TỰA TAM TẠNG THÁNH GIÁO, THÍCH HUYỀN TRANG

Cúi xin thăm ra lệnh chỉ dụ, kính thờ luân ngôn chuyên giữ thần Việt. Huyền Trang nghiệp được không sơ pháp lữ lâm tham, may mắn thuộc cửu loa có tài, bốn biển không ngu. Nhờ linh vua chinh phục xa, nường oai nước mà mà hỏi thăm đạo. Tột xa mạo hiểm, tuy gặng gổ ngu thành, biên tập khác lòng hoang mang, là giúp triều đình giáo hóa. Kinh luận đã được phụng sắc lệnh phiên dịch đã thành quyển cuốn, chưa có lời tựa, cúi xin bệ hạ tư duy thông minh, mây che, rải hoa trời xán lạn. Lý bao trùm tượng, điều thất lạc anh tài, khoe ngàn xưa để bay tiếng, che trăm vua mà vọt thật, nhìn dùng thần lực vô phương, chẳng phải suy nghĩ như thần thì không đủ nói lý kia. Thánh giáo nhiệm mầu sâu xa, chẳng phải tiết tháo bậc Thánh đâu đáng làm tựa cho nguồn kia. Cho nên mạo phạm oai nghiêm xin làm đề mục, thần quyền vọt xa rủ khoe khoang, vỗ về cùng lụy, dứt tướng ngó ngoái đánh mất cơ đồ.

Huyền Trang nghe, mặt trời mặt trăng sáng rõ trên hư không, đã chia ánh nắng nơi song cửa, sông ngòi kỹ đất cũng thấm nhuần nơi núi cao, mây hòa rộng vui, không bí mật âm vang nơi mù điếc. Vách vàng thêm châu báu, đầu thể giấu màu với kẻ mù ngu, dám duyên lý này lại dùng ngàn cầu cúng. Cúi xin mưa sấm rủ xuống, văn trời soi chiếu, phối hợp lưỡng nghi mà chung lâu dài, cùng hai diệu (mặt trời mặt trăng) chung treo cao. Nhưng lời màu non Linh Thứu nhờ bút thần mà được rộng xa, nghĩa sâu xa ở Kê Viên nhờ lời hay mà tuyên bày, đâu chỉ khư khư chúng Phạm, gánh vác riêng ân vinh hiển cũng khiến người mê dốt có cách vượt trần lụy mà thôi. Cẩn phụng biểu tấu để nghe. Kính lời.

Sắc chỉ bèn hứa. Nghĩa là Phụ Mã Cao Lý Hạnh nói: “Ông trước đã thỉnh trăm làm bia cho cha ông, nay khí lực không bằng xưa, nguyện làm công đức soạn tựa cho Pháp sư, không thể làm bia ông biết đó”. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi hai, may mắn ở cung Ngọc Hoa mời Trang đến hỏi phiên dịch kinh luận gì, đáp: “Đang dịch Du-già”. Vua hỏi: “Vị Thánh nào soạn, nói những gì?” Đều đáp đủ rồi. Nay lấy luận tự mở xem, bèn hạ sắc chỉ mới dịch kinh luận viết chín bốn, công bố chín đại châu với Ung, Lạc, Tương, Khắc, Kinh, Dương v.v.... Trong lại thỉnh đề kinh vua bèn nêu ra tên Đại Đường Tam tạng Thánh giáo tựa, ở điện Minh Nguyệt ra lệnh Hoàng Văn Quán Học Sĩ Thượng quan nghị đọc cho các đồng nghiệp nghe.

CẢM TẠ HOÀNG THÁI TỬ MỞ TỰA THÁNH GIÁO

Huyền Trang nghe, bảy diệu giữ ánh sáng, nương trời cao mà rải bóng. Chín sông rười rượi, nhờ đất dày để lưu thông, là biết đẹp giúp nhau ở vật đã vậy. Giảng pháp nương người lý ở không lầm, cúi xin Hoàng Thái tử Điện hạ phát huy trí thông minh, thuật lại văn trời, khen ngợi Đại thừa trang nghiêm thật tướng, châu lặn ngọc chuyển, mù tan gấm duỗi, đem ngày tháng mà nối kết hoa cùng hàm anh mà hợp vận. Huyền Trang tuổi trẻ nhiều may mắn, tấm gọi riêng đặc biệt, không ngại chép bộn, kính mở bày cảm tạ, kính bạch.

